BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHTM ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	**Luật kinh tế** (*Economic Law*)
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Luật kinh tế**
Mã ngành:	**7380107**
Hình thức đào tạo:	**Từ xa**
Ngôn ngữ đào tạo:	**Tiếng Việt**
Thời gian đào tạo:	**4 năm**

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo từ xa Luật Kinh tế được ban hành theo Quyết định số 1736/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học THương mại.

- Lần rà soát, đánh giá năm 2024, chương trình đào tạo hình thức từ xa đã cập nhật theo chương trình đào tạo chính quy của ngành đào tạo tương ứng (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số.....443...../QĐ-ĐHTM ngày...25../03/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo từ xa

2.1 Mục tiêu chung:

Chương trình Luật kinh tế là CTĐT định hướng ứng dụng; đào tạo cử nhân luật kinh tế, chuyên ngành luật kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội, quy luật kinh tế, chính trị; có kiến thức nền tảng về pháp luật nói chung, kiến thức chuyên ngành về pháp luật kinh tế; có kỹ năng thực hành cơ bản nghề luật và kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực kinh tế; có năng lực làm việc độc lập, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; có khả năng tiếp cận và giải quyết những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn kinh doanh và trong hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể:

- Đào tạo cử nhân luật kinh tế có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng, có tư duy độc lập, sáng tạo, toàn diện cả về trí tuệ và nhân cách;

trong điều kiện môi trường thay đổi;

(PLO7) Có kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp phát sinh trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế;

(PLO8) Có kỹ năng giao tiếp, truyền thông, phổ biến kiến thức và thuyết phục hiệu quả các vấn đề pháp lý trong giải quyết các nhiệm vụ cụ thể phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế, trong hoạt động tư pháp và hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế.

(PLO9) Có kỹ năng dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác; có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; có năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo;

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO10) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Sử dụng hiệu quả các công cụ trong quá trình chuyển đổi số phục vụ công tác chuyên môn.

(PLO11) Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

(PLO12) Có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các công việc trong thực tiễn; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế;

(PLO13) Có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế;

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO14) Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO15) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ (trong đó: 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Ngoài ra, Trường còn cung cấp cho người học kiến thức Nhập môn Internet & Elearning trước khi người học được đào tạo các học phần chính khóa.

5. Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp: Theo quy chế của Bộ Giáo dục

STT	Kiến thức và học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Cấu trúc học phần
4	Bóng bàn	TXGDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	TXGDTC0921	2	24,36
6	Bóng rổ	TXGDTC0821	1	12,18
7	Thể dục thẩm mỹ 1	TXGDTC1811	1	12,18
8	Thể dục thẩm mỹ 2	TXGDTC1911	1	12,18
1.3	**Giáo dục quốc phòng - an ninh**		**8**	
2	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**90**	
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**29**	
2.1.1	***Các học phần bắt buộc***		***18***	
1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	TXBLAW0511	3	36,18
2	Luật dân sự 1	TXBLAW2111	3	36,18
3	Luật dân sự 2	TXBLAW2221	2	24,12
4	Luật hiến pháp	TXBLAW0621	3	36,18
5	Luật hành chính	TXBLAW2511	3	36,18
6	Tiếng Anh thương mại 1	TXENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	TXENTI3411	2	24,12
2.1.2	***Các học phần tự chọn:*** *Chọn 11 TC trong các HP sau:*		***11***	
1	Lịch sử nhà nước và pháp luật	TXBLAW2411	3	36,18
2	Luật hình sự	TXBLAW2621	3	36,18
3	Quản trị học	TXBMGM0111	3	36,18
4	Quản trị nhân lực căn bản	TXCEMG0111	3	36,18
5	Thương mại điện tử căn bản	TXPCOM0111	3	36,18
6	Kinh tế thương mại đại cương	TXTECO0111	2	24,12
7	Nhập môn tài chính – tiền tệ	TXEFIN2811	3	36,18
8	Chuyển đổi số trong kinh doanh	TXPCOM1111	2	24,12
2.2	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**		**39**	
2.2.1	***Các học phần bắt buộc***		***28***	
1	Luật kinh tế 1*	TXPLAW0521	3	34,12,5
2	Luật kinh tế 2*	TXPLAW0324	3	34,12,5
3	Pháp luật về đầu tư	TXPLAW3411	3	36,18
4	Luật sở hữu trí tuệ	TXPLAW2211	2	24,12
5	Pháp luật lao động và an sinh xã hội	TXBLAW2311	3	36,18

chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 90. tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

*- Học phần có dấu * là học phần có báo cáo thực tế.*

8.2. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	14-17 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	03-05 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-13 TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
3	NĂM NHẤT	**Giáo dục Quốc phòng – An ninh**	**08 TC**
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04-06 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	09-12 TC
		Giáo dục thể chất	02 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	2-4 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	2-4 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	0-03 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
6	KỲ V	Khối kiến thức GDĐC	2-4 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	0-03 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	0-02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03-06 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	09-12 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03-06 TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
9	KỲ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	**10TC**

	TỔNG CỘNG	**131TC**

Lưu ý:

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 4 năm. Sinh viên có thể học theo tiến độ nhanh để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính 15 tuần (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.
- Phương thức đào tạo theo tín chỉ.
- Trong hai học kỳ đầu của khóa học, sinh viên được đăng ký học tập mặc định; Từ học kỳ thứ 3 trở đi, sinh viên tự đăng ký học tập theo kế hoạch giảng dạy của Trường.
- Khối lượng kiến thức và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin; có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh; hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất và các quy định khác của Trường.

HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	
PGS.TS Nguyễn Hoàng	**TS. Nguyễn Thị Tình**

PHỤ LỤC: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LUẬT KINH TẾ

1. Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về dân chủ xã hội chủ nghĩa; nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội giai cấp, liên minh giai cấp, tầng lớp; các vấn đề chính trị - xã hội. Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

12. Kinh tế vĩ mô 1: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả… Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

13. Logic học: Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn nhằm nhận thức đúng thế giới hiện thực khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ và vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác.

14. Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm

chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

20. Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn "Business Partner - B1" (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

21. Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn "Business Partner - B1" (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

22. Lịch sử nhà nước và pháp luật: Học phần tập trung nghiên cứu hai nội dung chính là lịch sử nhà nước pháp luật Thế giới và lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới sẽ nghiên cứu tập trung vào sự hình thành và phát triển của các kiểu Nhà nước và Pháp luật chiếm hữu nô lệ, Nhà nước và pháp luật phong kiến, Nhà nước và pháp luật Tư sản, Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam sẽ nghiên cứu tập trung một số nội dung cơ bản sau: Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các giai đoạn: giai đoạn chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc, Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt, Nhà nước và pháp luật thời thuộc Pháp, Nhà nước và pháp luật từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

23. Luật hình sự: Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy

cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

29. Chuyển đổi số trong kinh doanh: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

30. Chuyển đổi số trong kinh doanh: Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm; phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT; đặc điểm của chuyển đổi số; hệ sinh thái của chuyển đổi số; các giai đoạn chuyển đổi số; quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh; giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

31. Luật kinh tế 1*: Học phần trang bị kiến thức pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

32. Luật kinh tế 2*: Học phần trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về việc thực hiện các hoạt động thương mại. Học phần nghiên cứu khung pháp lý chung điều chỉnh các hoạt động thương mại phổ biến như mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... và một số hoạt động thương mại đặc thù như nhượng quyền thương mại, gia công hàng hóa, đấu thầu, đấu giá; các chế tài được áp dụng khi một bên có hành vi vi phạm; các phương thức giải quyết tranh chấp giữa các bên trong kinh doanh thương mại. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là cơ sở cho việc tiếp cận những học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành khác.

33. Pháp luật về đầu tư: Học phần nghiên cứu các qui định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài; nghiên cứu pháp luật đầu tư quốc tế bao gồm các biện pháp bảo hộ đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với

đai, pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, quản lý nhà nước về đất đai và môi trường, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực đất đai và môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

39. Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng: Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh và pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và giải quyết tranh chấp trong cạnh tranh; về hợp đồng giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh cũng như các phương thức giải quyết tranh chấp giữa họ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

40. Luật tố tụng dân sự: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

41. Pháp luật đấu thầu: Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về đấu thầu, pháp luật về đấu thầu ở Việt nam, gồm: Bản chất, ý nghĩa của hoạt động đầu thầu trong đời sống kinh tế xã hội; Nguồn pháp luật điều chỉnh hoạt động đấu thầu mua sắm, cung ứng dịch vụ và đầu tư ở Việ nam; Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; Quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; Phương pháp đánh giá hồ sơ thầu và xét duyệt trúng thầu; Hợp đồng với nhà thầu hoặc nhà đầu tư được lựa chọn; Quản lý nhà nước về đấu thầu, hành vi cấm trong đấu thầu và xử lý vi phạm trong đấu thầu.

42. Luật chứng khoán: Học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về các hoạt động chứng khoán; về tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán, của các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; về thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp có liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế nhằm

hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thich hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng. Từ những vấn đề lý luận và nội dụng pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

48. Kỹ năng thực hành pháp luật: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề luật; đạo đức và ứng xử trong nghề luật; thu thập thông tin, quản lý hồ sơ vụ việc; nghiên cứu hồ sơ vụ việc, xác định giải pháp giải quyết vụ việc; đàm phán và soạn thảo hợp đồng; tranh luận; soạn thảo thư tư vấn và bài biện hộ. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về thực hành pháp luật.

49. Kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp: Học phần cung cấp các kỹ năng tư vấn pháp luật doanh nghiệp, tập trung ở các nội dung: về thành lập, quản lý nội bộ, tổ chức lại và chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng tư vấn pháp luật, đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Luật kinh tế.

50. Quản trị rủi ro: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

51. Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

52. Kiểm toán căn bản: Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

53. Thống kê kinh doanh: Học phần cung cấp các kiến thức về thống kê kinh doanh bao gồm: Những vấn đề cơ bản của thống kê kinh doanh; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; thống kê lao động và thu nhập của người lao động

vực pháp luật kinh tế để đề xuất đề tài khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

58. Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp: Giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến công tác xây dựng, ban hành, thực hiện pháp luật. Thông qua hoạt động thực tập và làm khóa luận, sinh viên có khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực để thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên; tổng hợp, phân tích, đánh giá công tác xây dựng, ban hành, thực hiện pháp luật, từ đó phát hiện những ưu điểm, nhược điểm, bất cập, hạn chế của hệ thống pháp luật và vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.